

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2019

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thân Văn Kỳ**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng C** sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang B** sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 124, tổ X, khu Y, thị trấn M, huyện N, tỉnh Tiền Giang

(Chị C có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang B tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con, mâu thuẫn về con chung con riêng nên chị và anh B đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quang L, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2016 hiện đang sống với chị; ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự không ghi ngày tháng năm, biên bản hòa giải ngày 07 tháng 5 năm 2019 bị đơn là anh Nguyễn Quang B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng C xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên anh và chị C không còn chung sống với nhau từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị C xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: có 01 con chung như chị C trình bày, nay anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh B đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Nguyễn Quang B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, trong quá trình chung sống chị C và anh B đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày nên chị C yêu cầu ly hôn, anh B cũng đồng ý. Xét thấy chị C và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện N, tỉnh Tiền Giang. Tuy chị C và anh B có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh B không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh B là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị C và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Quang L, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2016 hiện đang sống với chị C, ly hôn chị C và anh B đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy cháu L còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống với chị C đã ổn định và cần sự chăm sóc của chị C nhiều hơn. Để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu L, do đó giao cháu L cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Nguyễn Quang B.

2. Về nuôi con chung:

- Giao chị Chiêu nuôi 01 con chung tên Nguyễn Quang L, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2016.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B do chị C không yêu cầu.

- Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh B.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 10115 ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N; chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh B thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

